

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 7 - 2021

V/v: “Ly hôn giữa chị H và anh L”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XT, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Chinh;

Ông Trần Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện XT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XT tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XT, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn HL, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn HL, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định;

(Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 7 - Phân trại 2 - Trại giam Thanh Cẩm - Bộ Công an, thuộc huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị B, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn HL, xã XN, huyện XT, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2021, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã XN cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh L tại Thôn HL, xã XN, đến tháng 5/2015 vợ chồng mâu thuẫn do anh L chơi bời theo bạn bè không quan tâm đến cuộc sống gia đình và còn nghiện ma túy, đánh đập chị, chị đã động viên khuyên giải Nều nhưng anh L không từ bỏ được ma túy nên vợ chồng thường cãi chửi nhau và đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Hiện anh L đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm - Bộ Công an. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đinh Yến N, sinh ngày 23/7/2006 và Đinh Thế C, sinh ngày 09/11/2007. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị H nhận nuôi hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng, sau đó chị H thay đổi yêu cầu, nhường anh L nuôi hai con do chị chưa có chỗ ở ổn định, cháu N và C đều có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội, các cháu quen với môi trường, ăn học ổn định tại nhà ông bà nội, anh L cũng chỉ còn mấy tháng nữa là chấp hành xong hình phạt tù, trong thời gian anh L chấp hành án thì cháu N và cháu C sẽ do bà B là mẹ anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con cùng anh L là 750.000đ/tháng, tính từ khi ly hôn đến khi con thành niên.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và cũng không nợ gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Đinh Văn L trình bày: Anh nhất trí lời khai của chị H về việc kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh tại Thôn HL, xã XN, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H không chung thủy với anh, đã có con với người khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 và không liên lạc với nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh không nhất trí vì lý do trong đơn chị H trình bày hoàn toàn sai sự thật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày, nếu ly hôn thì anh không chấp nhận cho chị H nuôi con vì từ trước đến giờ hai con ở với bố và ông bà nội ăn học đã quen và do đạo đức của chị H không đủ tư cách.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị B là mẹ đẻ anh L trình bày: Chị H xin ly hôn anh L, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh L, chị H có hai con chung như chị H, anh L đã trình bày, hiện nay cả hai cháu N và C đều do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học rất ổn định. Anh L chỉ vài tháng nữa là ra trại và có nhờ bà chăm sóc các cháu ăn học tại gia đình bà. Bà không muốn khi bố mẹ ly hôn hai cháu phải xa nhau hoặc để chị H nuôi dưỡng vì nếu giao các cháu hoặc một cháu cho chị H nuôi sẽ không đảm bảo cuộc sống của các cháu; chị H hiện đi làm xa nhà, không ổn định chỗ ở, chị H cũng đã nhờ bà chăm sóc các cháu, bản thân các cháu cũng có nguyện vọng ở với bố và với gia đình nhà bà. Bà cam đoan sẽ thay anh L chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu ăn học đến khi nào anh L chấp hành án xong bà sẽ bàn giao hai cháu cho anh L nuôi dưỡng, việc bà nuôi hai cháu là hoàn toàn tự nguyện và đủ khả năng về mọi mặt đáp ứng nhu cầu của các cháu, bà không cần sự trợ giúp nào từ chị H.

Kết quả thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã XN: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản, diễn biến cuộc sống vợ chồng như các đương sự đã trình bày. Quan điểm của địa pH chị H xin ly hôn anh L, đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung, hiện nay cháu N và cháu C đang ở với ông bà nội, gia đình bà B cũng rất khó khăn, tuy nhiên vì trách nhiệm vì tình cảm đối với các cháu nội mà từ trước đến nay ông bà B đã nuôi dưỡng cháu N cháu C, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các đương sự và nên gán trách nhiệm để chị H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XT tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị H và anh L; giao 02 con chung là cháu Đình Yên N, sinh ngày 23/7/2006 và Đình Thế C, sinh ngày 09/11/2007 cho anh L nuôi dưỡng, do anh L đang chấp hành án nên mẹ đẻ anh L là bà Vũ Thị B sẽ thay anh L nuôi dưỡng chăm sóc cháu N và cháu C, khi nào anh L chấp hành án xong bà Vũ Thị B có trách nhiệm bàn giao hai cháu N và C cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con cùng anh L là 750.000đ/tháng. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Chị H phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh L và bà B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn theo chị H là do anh L chơi bời, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, nghiện ma túy lại đánh chị, còn theo anh L là do chị H không chung thủy. Nay chị H xin ly hôn, anh L không nhất trí ly hôn, tuy Nên chính các đương sự đã trình bày vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không liên lạc với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh L.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là Đinh Yến N, sinh ngày 23/7/2006 và Đinh Thế C, sinh ngày 09/11/2007.

Trong bản tự khai anh L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con, không trình bày về yêu cầu có cấp dưỡng nuôi con hay không. Bà B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai cháu thay anh L trong thời gian anh L chấp hành án. Cháu N, cháu C đều đã trên 07 tuổi và cùng có nguyện vọng được ở với anh L và gia đình bà B.

Chị H có nguyện vọng nhường quyền nuôi hai con cho anh L, trong thời gian anh L chấp hành án thì bà B là mẹ đẻ anh L sẽ nuôi hai con, khi anh L chấp hành án xong thì bà B có trách Nệm giao hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H tự nguyện nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con cùng anh L là 750.000đ/tháng, tính từ khi ly hôn đến khi con thành niên.

Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự nếu để anh L nuôi cả 02 con chung, trong thời gian anh L chấp hành án thì bà B là mẹ anh L tự nguyện nhận nuôi hai cháu thay anh L sẽ tốt hơn về mọi mặt cho các con nên căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, nguyện vọng của các đương sự sẽ được chấp nhận, mặc dù bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi các cháu nhưng bà B nuôi hai cháu trong điều kiện anh L là người nghiện ma túy lại đang chấp hành án nên kinh tế cũng sẽ gặp khó khăn vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị H, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Do đương sự xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung Đinh Yến N, sinh ngày 23/7/2006 và Đinh Thế C, sinh ngày 09/11/2007 cho anh Đinh Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong thời gian anh L chấp hành án thì bà Vũ Thị B là mẹ đẻ anh L sẽ trực tiếp nuôi hai con thay cho anh L. Khi nào anh L chấp hành án xong, bà Vũ Thị B có trách nhiệm bàn giao hai cháu N và C cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H nhận cấp dưỡng nuôi mỗi con cùng anh L mỗi tháng là 750.000đ, kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung thành niên; chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0001988 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XT, tỉnh Nam Định; chị Nguyễn Thị H còn phải nộp 300.000đ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đinh Văn L và bà Vũ Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện XT;
- Chi cục THADS huyện XT;
- UBND xã XN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung